TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2022/QĐST-HNGĐ	*Phú Lộc, ngày 06 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần V1, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố A Đ, thị trấn L, huyện P, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Phan Thị Kim L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố A Đ, thị trấn L, huyện P, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần V1 và chị Phan Thị Kim L5.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao người con chung là Trần Quyền A, sinh ngày 04/9/2010 cho anh Trần V1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị Kim L5 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Phan Thị Kim L5 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Đối với các con chung là Trần Thị Như Q, sinh năm 1997, Trần P7, sinh năm 1999, Trần Gi P6, sinh năm 2002 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Trần V1 (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, chị Phan Thị Kim L5 còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần V1 thuận chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002369 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh V1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND TT Lăng Cô, huyện Phú Lộc;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phan Thị Xuân Huế